

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch và phương thức tuyển sinh lớp 10 các trường  
trung học phổ thông và tuyển sinh vào các trường chuyên biệt  
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm học 2022-2023**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BGDĐT ngày 30/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú;*

*Căn cứ Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông;*

*Căn cứ Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2021-2022 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;*

*Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 77/TTr-SGDĐT ngày 26/4/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch và phương thức tuyển sinh lớp 10 các trường trung học phổ thông (THPT) và tuyển sinh vào các trường chuyên biệt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm học 2022-2023, cụ thể như sau:

**A. TUYỂN SINH LỚP 10**

**I. Tuyển sinh lớp 10 trường trung học phổ thông (THPT) công lập**

**1. Phương thức, chỉ tiêu tuyển sinh**

- Phương thức tuyển: xét tuyển theo phân vùng tuyển sinh đến trường trung học cơ sở (THCS) trên địa bàn tỉnh (kể cả vùng phụ cận).

- Chỉ tiêu tuyển sinh: mỗi trường THPT công lập tuyển không quá 80% số học sinh tốt nghiệp THCS năm học 2021-2022 theo phân tuyến tuyển sinh sau khi đã trừ đi số học sinh trúng tuyển vào các trường THPT chuyên biệt và số học sinh là người dân tộc thiểu số.

## 2. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh là người học đã tốt nghiệp THCS chương trình giáo dục phổ thông hoặc chương trình giáo dục thường xuyên có độ tuổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT (*ban hành theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

## 3. Chế độ tuyển thẳng

Tuyển thẳng vào lớp 10 THPT các đối tượng sau đây:

- Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú;
- Học sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người (theo quy định của Chính phủ);
- Học sinh khuyết tật;
- Học sinh đạt giải cấp quốc gia và quốc tế về văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao; cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông.

Riêng đối với học sinh đã trúng tuyển và nhập học vào lớp 10 năm học 2021-2022 nhưng sau đó nghỉ học, được học lại lớp 10 năm học 2022-2023 với các điều kiện như sau: có đơn xin học lại lớp 10 và có sự cam kết của cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh về chấp hành những quy định của nhà trường; trong đơn, có xác nhận của công an xã, phường, thị trấn trong suốt thời gian nghỉ học, học sinh chấp hành tốt những quy định về an ninh trật tự tại địa phương; không trong thời gian thi hành án phạt tù, cải tạo không giam giữ hoặc vi phạm pháp luật.

## 4. Chế độ ưu tiên

- Cộng 1,5 điểm cho thí sinh thuộc nhóm đối tượng 1 được quy định tại khoản 2, Điều 7, Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Cộng 1,0 điểm cho thí sinh thuộc nhóm đối tượng 2 được quy định tại khoản 2, Điều 7, Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Cộng 0,5 điểm cho thí sinh thuộc nhóm đối tượng 3 được quy định tại khoản 2, Điều 7, Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thí sinh thuộc nhiều nhóm đối tượng được ưu tiên chỉ được hưởng một nhóm đối tượng được ưu tiên cao nhất.

## 5. Điểm xét tuyển và nguyên tắc xét trúng tuyển

### a) Điểm xét tuyển

- Điểm xét tuyển dựa vào kết quả xếp loại hạnh kiểm, học lực của 4 năm học ở cấp THCS và điểm ưu tiên (nếu có), được tính theo công thức sau:

$$\text{Điểm xét tuyển} = \frac{\text{Tổng điểm kết quả xếp loại hạnh kiểm và học lực của 4 năm học ở cấp THCS}}{4} + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$$

- Cách tính điểm kết quả xếp loại hạnh kiểm và học lực cho mỗi năm học, cụ thể như sau:

STT	Kết quả xếp loại hạnh kiểm, học lực của mỗi năm học	Điểm
1	Hạnh kiểm Tốt, học lực Giỏi	10 điểm
2	Hạnh kiểm Khá, học lực Giỏi hoặc hạnh kiểm Tốt, học lực Khá	9,0 điểm
3	Hạnh kiểm Khá, học lực Khá	8,0 điểm
4	Hạnh kiểm Trung bình, học lực Giỏi hoặc hạnh kiểm Tốt, học lực Trung bình	7,0 điểm
5	Hạnh kiểm Khá, học lực Trung bình hoặc hạnh kiểm Trung bình, học lực Khá	6,0 điểm
6	Các trường hợp còn lại	5,0 điểm

- Nếu học sinh lưu ban ở lớp nào thì lấy kết quả của năm học mà học sinh học lại lớp đó; nếu phải thi lên lớp hoặc phải rèn luyện hạnh kiểm trong hè thì lấy kết quả xếp loại sau khi thi lên lớp hoặc rèn luyện.

- Việc tính điểm kết quả rèn luyện và học tập các năm cấp THCS của học sinh học mô hình trường học mới (VNEN) được thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1461/BGDĐT-GDTrH ngày 08/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xét tốt nghiệp học sinh mô hình trường học mới.

#### *b) Nguyên tắc xét trúng tuyển*

Căn cứ chỉ tiêu được giao và điểm xét tuyển, các trường THPT tiến hành xét trúng tuyển theo nguyên tắc lấy điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu được giao. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì tiếp tục xét trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Thí sinh có điểm trung bình cả năm lớp 9 cao hơn;
- Thí sinh có tổng điểm trung bình môn Toán và môn Ngữ văn của cả năm lớp 9 cao hơn.

Trong trường hợp xét đến tiêu chí ưu tiên cuối cùng mà vẫn còn nhiều hơn một thí sinh bằng nhau ở tất cả tiêu chí ưu tiên thì các thí sinh này nằm trong danh sách trúng tuyển.

### **6. Quy định về phân vùng tuyển sinh**

- Căn cứ vào văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về phân vùng tuyển sinh cho học sinh THCS trên địa bàn và học sinh THCS thuộc các trường ở vùng phụ cận, việc phân vùng tuyển sinh phải đảm bảo thuận tiện cho việc đi lại của học sinh và đồng thời đảm bảo tỷ lệ theo phân luồng của từng trường THPT trong huyện, thị xã, thành phố.

- Phân vùng tuyển sinh lớp 10 vào các trường THPT năm học 2022-2023 được quy định như sau:

a) Đối với học sinh tốt nghiệp THCS của các trường công lập:

TT	Tên trường THPT	Phân vùng tuyển sinh theo trường THCS	Số học sinh ĐKXT(*)	Ghi chú
<b>I. Huyện Bắc Trà My</b>				
1	THPT Bắc Trà My	PTDTBT THCS Chu Huy Mân (Bắc Trà My)	57	
		PTDTBT THCS Lê Hồng Phong (Bắc Trà My)	60	
		PTDTBT THCS Lý Tự Trọng (Bắc Trà My)	37	
		PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm (Bắc Trà My)	111	
		PTDTBT TH-THCS Trà Ka (Bắc Trà My)	35	
		PTDTBT TH-THCS Trà Nú (Bắc Trà My)	21	
		PTDTBT TH-THCS Trần Phú (Bắc Trà My)	21	
		THCS 19.8 (Bắc Trà My)	37	
		THCS Huỳnh Thúc Kháng (Bắc Trà My)	37	
		THCS Nguyễn Du (Bắc Trà My)	105	
		THCS Nguyễn Huệ (Bắc Trà My)	44	
		THCS Nguyễn Văn Trỗi (Bắc Trà My)	48	
		THCS Phương Đông (Bắc Trà My)	49	
		THCS Nguyễn Huệ (Tam Kỳ)	1	Theo nơi lưu trú của cha mẹ
<b>II. Huyện Duy Xuyên</b>				
2	THPT Hồ Nghinh	THCS Kim Đồng (Duy Xuyên)	105	
		THCS Ngô Quyền (Duy Xuyên)	68	
		THCS Nguyễn Bình Khiêm (Duy Xuyên)	120	
		THCS Nguyễn Văn Trỗi (Duy Xuyên)	64	

TT	Tên trường THPT	Phân vùng tuyển sinh theo trường THCS	Số học sinh ĐKXT(*)	Ghi chú
		THCS Quang Trung (Duy Xuyên)	96	
		THCS Lê Đình Chinh (Thăng Bình)	5	Vùng phụ cận
		THCS Quang Trung (Thăng Bình)	20	Vùng phụ cận
3	THPT Lê Hồng Phong	THCS Lê Quang Sung (Duy Xuyên)	124	
		THCS Lê Quý Đôn (Duy Xuyên)	43	
		THCS Nguyễn Chí Thanh (Duy Xuyên)	49	
		THCS Nguyễn Khuyến (Duy Xuyên)	57	
		THCS Phan Châu Trinh (Duy Xuyên)	81	
4	THPT Nguyễn Hiền	THCS Chu Văn An (Duy Xuyên)	2	
		THCS Lương Thế Vinh (Duy Xuyên)	128	
		THCS Nguyễn Thành Hân (Duy Xuyên)	118	
		THCS Phù Đổng (Duy Xuyên)	117	
		THCS Trần Cao Vân (Duy Xuyên)	4	
		THCS Quế Xuân (Quế Sơn)	23	Vùng phụ cận
5	THPT Sào Nam	THCS Chu Văn An (Duy Xuyên)	203	
		THCS Kim Đồng (Duy Xuyên)	53	
		THCS Trần Cao Vân (Duy Xuyên)	181	
<b>III. Huyện Đại Lộc</b>				
6	THPT Chu Văn An	TH&THCS Đại Sơn (Đại Lộc)	54	
		THCS Kim Đồng (Đại Lộc)	169	
		THCS Nguyễn Du (Đại Lộc)	25	
		THCS Nguyễn Huệ (Đại Lộc)	136	

TT	Tên trường THPT	Phân vùng tuyển sinh theo trường THCS	Số học sinh ĐKXT(*)	Ghi chú
		THCS Phù Đổng (Đại Lộc)	147	
		THCS Quang Trung (Đại Lộc)	94	
7	THPT Đỗ Đăng Tuyển	TH&THCS Đại Thạnh (Đại Lộc)	46	
		THCS Hoàng Văn Thụ (Đại Lộc)	49	
		THCS Lê Lợi (Đại Lộc)	76	
		THCS Lê Quý Đôn (Đại Lộc)	113	
		THCS Lý Tự Trọng (Đại Lộc)	80	
		THCS Phan Bội Châu (Đại Lộc)	75	
		THCS Võ Thị Sáu (Đại Lộc)	88	
8	THPT Huỳnh Ngọc Huệ	THCS Nguyễn Du (Đại Lộc)	129	
		THCS Nguyễn Trãi (Đại Lộc)	222	
		THCS Trần Hưng Đạo (Đại Lộc)	146	
9	THPT Lương Thúc Kỳ	THCS Mỹ Hoà (Đại Lộc)	216	
		THCS Nguyễn Trãi (Đại Lộc)	18	
		THCS Trần Phú (Đại Lộc)	147	
		THCS Ông Ích Khiêm (Điện Bàn)	10	Vùng phụ cận
<b>IV. Thị xã Điện Bàn</b>				
10	THPT Hoàng Diệu	THCS Lê Văn Tám (Điện Bàn)	114	
		THCS Ông Ích Khiêm (Điện Bàn)	151	
		THCS Phan Thúc Duyện (Điện Bàn)	192	
		THCS Trần Phú (Điện Bàn)	6	
		THCS Trần Quý Cáp (Điện Bàn)	106	

TT	Tên trường THPT	Phân vùng tuyển sinh theo trường THCS	Số học sinh ĐKXT(*)	Ghi chú
11	THPT Lương Thế Vinh	THCS Dũng Sĩ Điện Ngọc (Điện Bàn)	262	
		THCS Đinh Châu (Điện Bàn)	90	
		THCS Lê Ngọc Giá (Điện Bàn)	87	
		THCS Lý Tự Trọng (Điện Bàn)	13	
		THCS Nguyễn Du (Điện Bàn)	38	
		THCS Nguyễn Đức An (Điện Bàn)	134	
		THCS Phan Châu Trinh (Điện Bàn)	5	
		THCS Quang Trung (Điện Bàn)	15	
		THCS Võ Như Hưng (Điện Bàn)	156	
		THCS Chu Văn An (Hội An)	2	Vùng phụ cận
12	THPT Nguyễn Duy Hiệu	THCS Lý Tự Trọng (Điện Bàn)	142	
		THCS Nguyễn Du (Điện Bàn)	159	
		THCS Phan Châu Trinh (Điện Bàn)	219	
		THCS Quang Trung (Điện Bàn)	180	
		THCS Trần Cao Vân (Điện Bàn)	1	
		THCS Trần Quý Cáp (Điện Bàn)	45	
13	THPT Nguyễn Khuyến	THCS Dũng Sĩ Điện Ngọc (Điện Bàn)	53	
		THCS Lê Trí Viễn (Điện Bàn)	131	
		THCS Lý Tự Trọng (Điện Bàn)	2	
		THCS Nguyễn Văn Trỗi (Điện Bàn)	124	
		THCS Phan Châu Trinh (Điện Bàn)	1	

TT	Tên trường THPT	Phân vùng tuyển sinh theo trường THCS	Số học sinh ĐKXT(*)	Ghi chú
		THCS Quang Trung (Điện Bàn)	5	
		THCS Thu Bồn (Điện Bàn)	100	
		THCS Trần Phú (Điện Bàn)	156	
14	THPT Phạm Phú Thứ	THCS Lê Đình Dương (Điện Bàn)	80	
		THCS Nguyễn Đình Chiểu (Điện Bàn)	97	
		THCS Trần Cao Vân (Điện Bàn)	99	
<b>V. Huyện Đông Giang</b>				
15	THPT Âu Cơ	PTDTNT THCS Đông Giang (Đông Giang)	43	
		TH&THCS Xã Tư (Đông Giang)	21	
		THCS Kim Đồng (Đông Giang)	52	
		THCS Lê Văn Tám (Đông Giang)	65	
		THCS Phan Châu Trinh (Đông Giang)	25	
16	THPT Quang Trung	PTDTBT THCS Trần Phú (Đông Giang)	28	
		PTDTNT THCS Đông Giang (Đông Giang)	56	
		TH&THCS Phan Bội Châu (Đông Giang)	22	
		TH&THCS Zà Hung (Đông Giang)	26	
		THCS Mẹ Thứ (Đông Giang)	88	
		THCS Phan Châu Trinh (Đông Giang)	8	
<b>VI. Huyện Hiệp Đức</b>				
17	THPT Hiệp Đức	PTDTNT Hiệp Đức (Hiệp Đức)	99	
		THCS Chu Văn An (Hiệp Đức)	1	
		THCS Lê Hồng Phong (Hiệp Đức)	19	



TT	Tên trường THPT	Phân vùng tuyển sinh theo trường THCS	Số học sinh ĐKXT(*)	Ghi chú
		THCS Lý Thường Kiệt (Hiệp Đức)	12	
		THCS Nguyễn Văn Trỗi (Hiệp Đức)	35	
		THCS Phan Bội Châu (Hiệp Đức)	146	
		THCS Trần Cao Vân (Hiệp Đức)	19	
18	THPT Trần Phú	THCS Chu Văn An (Hiệp Đức)	129	
		THCS Lê Hồng Phong (Hiệp Đức)	7	
		THCS Nguyễn Trãi (Hiệp Đức)	29	
		THCS Nguyễn Văn Trỗi (Hiệp Đức)	51	
		THCS Trần Cao Vân (Hiệp Đức)	19	
		THCS Quế An (Quế Sơn)	3	Vùng phụ cận
		THCS Quế Minh (Quế Sơn)	9	Vùng phụ cận
		THCS Lê Cơ (Tiên Phước)	17	Vùng phụ cận
		THCS Lê Hồng Phong (Tiên Phước)	6	Vùng phụ cận
		THCS Hoàng Hoa Thám (Thăng Bình)	30	Vùng phụ cận
<b>VII. Thành phố Hội An</b>				
19	THPT Nguyễn Trãi	THCS Chu Văn An (Hội An)	155	
		THCS Nguyễn Bình Khiêm (Hội An)	243	
		TH-THCS Lý Thường Kiệt (Hội An)	60	
		TH-THCS Quang Trung (Hội An)	3	
		THCS Dũng Sĩ Điện Ngọc (Điện Bàn)	1	Hộ khẩu tại Điện Dương-Điện Bàn
		THCS Đinh Châu (Điện Bàn)	10	Vùng phụ cận
		THCS Lê Ngọc Giá (Điện Bàn)	139	Vùng phụ cận

TT	Tên trường THPT	Phân vùng tuyển sinh theo trường THCS	Số học sinh ĐKXT(*)	Ghi chú
		THCS Nguyễn Du (Điện Bàn)	1	Vùng phụ cận
		THCS Quang Trung (Điện Bàn)	1	Hộ khẩu tại Điện Dương-Điện Bàn
20	THPT Trần Hưng Đạo	THCS Huỳnh Thị Lựu (Hội An)	120	
		THCS Nguyễn Du (Hội An)	131	
		THCS Phan Bội Châu (Hội An)	138	
		TH-THCS Quang Trung (Hội An)	21	
		THCS Ngô Quyền (Duy Xuyên)	41	Vùng phụ cận
		THCS Nguyễn Văn Trỗi (Duy Xuyên)	72	Vùng phụ cận
21	THPT Trần Quý Cáp	THCS Nguyễn Du (Hội An)	1	
		TH-THCS Quang Trung (Hội An)	6	
		THCS Kim Đồng (Hội An)	347	
		THCS Nguyễn Duy Hiệu (Hội An)	258	
		TH-THCS Trần Quốc Toản (Hội An)	82	
		THCS Đinh Châu (Điện Bàn)	3	Vùng phụ cận
		THCS Lê Ngọc Giá (Điện Bàn)	12	Vùng phụ cận
		THCS Lý Tự Trọng (Điện Bàn)	1	Hộ khẩu tại Hội An
		THCS Nguyễn Du (Điện Bàn)	19	Vùng phụ cận
		THCS Võ Như Hưng (Điện Bàn)	1	Hộ khẩu tại Điện Nam Đông-Điện Bàn
<b>VIII. Huyện Nam Giang</b>				
22	THPT Nguyễn Văn Trỗi	PTDTBT THCS CX Chà val - Zuôich (Nam Giang)	79	

TT	Tên trường THPT	Phân vùng tuyển sinh theo trường THCS	Số học sinh ĐKXT(*)	Ghi chú
		PTDTBT THCS LX Đắc Pring - Đắc Pre (Nam Giang)	30	
		PTDTBT THCS LX La Dê ê - Đắc Tôi (Nam Giang)	25	
		PTDTBT THCS LX La Ê ê - Chợ Chun (Nam Giang)	34	
		PTDTNT THCS Nam Giang (Nam Giang)	52	
23	THPT Tô Hữu	PTDTBT THCS LX Cà Dy - Tà Bhing (Nam Giang)	91	
		PTDTNT THCS Nam Giang (Nam Giang)	56	
		THCS Thạnh Mỹ (Nam Giang)	128	
		TH-THCS Tà Pơ ơ (Nam Giang)	21	
<b>IX. Huyện Nam Trà My</b>				
24	THPT Nam Trà My	PTDTBT THCS Trà Cang (Nam Trà My)	56	
		PTDTBT THCS Trà Don (Nam Trà My)	36	
		PTDTBT THCS Trà Đơn (Nam Trà My)	41	
		PTDTBT THCS Trà Leng (Nam Trà My)	47	
		PTDTBT THCS Trà Linh (Nam Trà My)	29	
		PTDTBT THCS Trà Nam (Nam Trà My)	26	
		PTDTBT THCS Trà Tập (Nam Trà My)	69	
		PTDTBT THCS Trà Vân (Nam Trà My)	32	
		PTDTBT TH-THCS Long Túc (Nam Trà My)	27	
		PTDTBT TH-THCS Trà Vinh (Nam Trà My)	24	
		THCS Trà Mai (Nam Trà My)	56	

TT	Tên trường THPT	Phân vùng tuyển sinh theo trường THCS	Số học sinh ĐKXT(*)	Ghi chú
		THCS Nguyễn Duy Hiệu (Núi Thành)	1	Theo nơi lưu trú của cha mẹ
<b>X. Huyện Nông Sơn</b>				
25	THPT Nông Sơn	TH&THCS Huỳnh Thúc Kháng (Nông Sơn)	28	
		TH&THCS Nguyễn Văn Trỗi (Nông Sơn)	48	
		TH&THCS Trần Quý Cáp (Nông Sơn)	26	
		TH&THCS Võ Chí Công (Nông Sơn)	22	
		THCS Nguyễn Duy Hiệu (Nông Sơn)	102	
		THCS Phan Châu Trinh (Nông Sơn)	124	
<b>XI. Huyện Núi Thành</b>				
26	THPT Cao Bá Quát	THCS Chu Văn An (Núi Thành)	130	
		THCS Hoàng Diệu (Núi Thành)	6	
		THCS Huỳnh Thúc Kháng (Núi Thành)	77	
		THCS Lương Thế Vinh (Núi Thành)	82	
		THCS Lý Thường Kiệt (Núi Thành)	51	
		THCS Nguyễn Khuyến (Núi Thành)	172	
		THCS Phan Bá Phiến (Núi Thành)	7	
		THCS Quang Trung (Núi Thành)	7	
		THCS Nguyễn Huệ (Tam Kỳ)	1	Theo nơi lưu trú của cha mẹ
27	THPT Núi Thành	THCS Huỳnh Thúc Kháng (Núi Thành)	2	
		THCS Kim Đồng (Núi Thành)	200	
		THCS Lê Lợi (Núi Thành)	143	
		THCS Quang Trung (Núi Thành)	1	

<b>TT</b>	<b>Tên trường THPT</b>	<b>Phân vùng tuyển sinh theo trường THCS</b>	<b>Số học sinh ĐKXT(*)</b>	<b>Ghi chú</b>
		THCS Trần Cao Vân (Núi Thành)	1	
		THCS Trần Hưng Đạo (Núi Thành)	210	
		THCS Trần Quý Cáp (Núi Thành)	88	
28	THPT Nguyễn Huệ	THCS Hoàng Diệu (Núi Thành)	55	
		THCS Huỳnh Thúc Kháng (Núi Thành)	15	
		THCS Kim Đồng (Núi Thành)	52	
		THCS Lê Lợi (Núi Thành)	1	
		THCS Lê Văn Tâm (Núi Thành)	60	
		THCS Nguyễn Duy Hiệu (Núi Thành)	62	
		THCS Nguyễn Trãi (Núi Thành)	87	
		THCS Phan Châu Trinh (Núi Thành)	88	
		THCS Quang Trung (Núi Thành)	37	
		THCS Trần Cao Vân (Núi Thành)	207	
<b>XII. Huyện Phú Ninh</b>				
29	THPT Nguyễn Dục	THCS Nguyễn Văn Trỗi (Phú Ninh)	177	
		THCS Phan Tây Hồ (Phú Ninh)	107	
		THCS Chu Văn An (Phú Ninh)	50	
30	THPT Trần Văn Dư	THCS Tam Lộc (Phú Ninh)	18	
		THCS Trần Phú (Phú Ninh)	70	
		THCS Lương Thế Vinh (Phú Ninh)	94	
		THCS Nguyễn Bình Khiêm (Phú Ninh)	99	

TT	Tên trường THPT	Phân vùng tuyển sinh theo trường THCS	Số học sinh ĐKXT(*)	Ghi chú
		THCS Phan Châu Trinh (Phú Ninh)	44	
		TH&THCS Nguyễn Du (Tiên Phước)	1	Vùng phụ cận
31	THPT Võ Nguyên Giáp	THCS Nguyễn Hiền (Phú Ninh)	134	
		THCS Tam Lộc (Phú Ninh)	82	
		THCS Trần Phú (Phú Ninh)	29	
		THCS Lương Thế Vinh (Phú Ninh)	1	
		THCS Nguyễn Văn Trỗi (Phú Ninh)	6	
		THCS Phan Tây Hồ (Phú Ninh)	6	
		THCS Phan Châu Trinh (Phú Ninh)	54	
<b>XIII. Huyện Phước Sơn</b>				
32	THPT Khâm Đức	BT TH&THCS Phước Kim (Phước Sơn)	20	
		BT THCS Phước Chánh (Phước Sơn)	68	
		PTDT BT TH&THCS Phước Lộc (Phước Sơn)	16	
		TH&THCS Kim Đồng (Phước Sơn)	21	
		TH&THCS Phước Hiệp (Phước Sơn)	28	
		TH&THCS Phước Hòa (Phước Sơn)	25	
		TH&THCS Phước Mỹ (Phước Sơn)	20	
		TH&THCS Phước Năng (Phước Sơn)	20	
		TH&THCS Phước Thành (Phước Sơn)	27	
		TH&THCS Võ Thị Sáu (Phước Sơn)	11	

TT	Tên trường THPT	Phân vùng tuyển sinh theo trường THCS	Số học sinh ĐKXT(*)	Ghi chú
		THCS Lý Tự Trọng (Phước Sơn)	121	
<b>XIV. Huyện Quế Sơn</b>				
33	THPT Nguyễn Văn Cừ	THCS Quế Mỹ 1 (Quế Sơn)	5	
		THCS Quế Mỹ 2 (Quế Sơn)	107	
		THCS Quế Phú (Quế Sơn)	185	
		THCS Quế Xuân (Quế Sơn)	118	
		THCS Quang Trung (Duy Xuyên)	1	Theo nơi lưu trú của cha mẹ
34	THPT Quế Sơn	THCS Đông Phú (Quế Sơn)	145	
		THCS Quế An (Quế Sơn)	65	
		THCS Quế Long (Quế Sơn)	55	
		THCS Quế Minh (Quế Sơn)	49	
		THCS Quế Phong (Quế Sơn)	65	
		THCS Hoàng Hoa Thám (Thăng Bình)	2	Vùng phụ cận
35	THPT Trần Đại Nghĩa	THCS Quế Châu (Quế Sơn)	90	
		THCS Quế Hiệp (Quế Sơn)	38	
		THCS Quế Mỹ 1 (Quế Sơn)	39	
		THCS Quế Thuận (Quế Sơn)	72	
<b>XV. Thành phố Tam Kỳ</b>				
36	THPT Duy Tân	THCS Lê Lợi (Tam Kỳ)	90	
		THCS Lý Thường Kiệt (Tam Kỳ)	121	
		THCS Nguyễn Huệ (Tam Kỳ)	1	
		THCS Nguyễn Khuyến (Tam Kỳ)	108	
		THCS Thái Phiên (Tam Kỳ)	64	

TT	Tên trường THPT	Phân vùng tuyển sinh theo trường THCS	Số học sinh ĐKXT(*)	Ghi chú
		THCS Nguyễn Bình Khiêm (Thăng Bình)	52	Vùng phụ cận
		THCS Phan Bá Phiến (Núi Thành)	80	Vùng phụ cận
37	THPT Lê Quý Đôn	THCS Chu Văn An (Tam Kỳ)	5	
		THCS Huỳnh Thúc Kháng (Tam Kỳ)	217	
		THCS Lý Thường Kiệt (Tam Kỳ)	1	
		THCS Lý Tự Trọng (Tam Kỳ)	324	
		THCS Nguyễn Khuyến (Núi Thành)	1	Vùng phụ cận
		THCS Quang Trung (Núi Thành)	1	Vùng phụ cận
		THCS Phan Tây Hồ (Phú Ninh)	23	Vùng phụ cận
38	THPT Phan Bội Châu	THCS Chu Văn An (Tam Kỳ)	147	
		THCS Lý Thường Kiệt (Tam Kỳ)	1	
		THCS Nguyễn Huệ (Tam Kỳ)	172	
		THCS Chu Văn An (Núi Thành)	6	Vùng phụ cận
		THCS Phan Bá Phiến (Núi Thành)	70	Vùng phụ cận
		THCS Quang Trung (Núi Thành)	5	Vùng phụ cận
		THCS Lý Thường Kiệt (Núi Thành)	161	Vùng phụ cận
39	THPT Trần Cao Vân	THCS Chu Văn An (Tam Kỳ)	7	
		THCS Huỳnh Thúc Kháng (Tam Kỳ)	7	
		THCS Lê Hồng Phong (Tam Kỳ)	202	
		THCS Lê Lợi (Tam Kỳ)	6	
		THCS Lý Tự Trọng (Tam Kỳ)	12	
		THCS Lý Thường Kiệt (Tam Kỳ)	1	



TT	Tên trường THPT	Phân vùng tuyển sinh theo trường THCS	Số học sinh ĐKXT(*)	Ghi chú
		THCS Nguyễn Du (Tam Kỳ)	438	
		THCS Nguyễn Huệ (Tam Kỳ)	1	
		THCS Nguyễn Khuyến (Tam Kỳ)	1	
		THCS Chu Văn An (Núi Thành)	1	Vùng phụ cận
		THCS Huỳnh Thúc Kháng (Núi Thành)	3	Vùng phụ cận
		THCS Lý Thường Kiệt (Núi Thành)	2	Vùng phụ cận
		THCS Nguyễn Duy Hiệu (Núi Thành)	1	Vùng phụ cận
		THCS Trần Phú (Phú Ninh)	20	Vùng phụ cận
		THCS Nguyễn Bình Khiêm (Phú Ninh)	1	Vùng phụ cận
		THCS Phan Tây Hồ (Phú Ninh)	18	Vùng phụ cận
<b>XVI. Huyện Tây Giang</b>				
40	THPT Tây Giang	PTDTBT THCS Nguyễn Bá Ngọc (Tây Giang)	42	
		PTDTBT THCS Nguyễn Văn Trỗi (Tây Giang)	80	
		PTDTNT THCS Tây Giang (Tây Giang)	72	
41	THPT Võ Chí Công	PTDTBT THCS Lý Tự Trọng (Tây Giang)	65	
		PTDTNT THCS Tây Giang (Tây Giang)	31	
<b>XVII. Huyện Tiên Phước</b>				
42	THPT Huỳnh Thúc Kháng	THCS Lê Đình Chinh (Tiên Phước)	54	
		THCS Lê Quý Đôn (Tiên Phước)	49	
		THCS Lê Thị Hồng Gấm (Tiên Phước)	103	
		THCS Lê Văn Tám (Tiên Phước)	37	
		THCS Lý Tự Trọng (Tiên Phước)	75	

TT	Tên trường THPT	Phân vùng tuyển sinh theo trường THCS	Số học sinh ĐKXT(*)	Ghi chú
		THCS Trần Ngọc Sương (Tiên Phước)	66	
		THCS Võ Thị Sáu (Tiên Phước)	61	
43	THPT Phan Châu Trinh	TH&THCS Nguyễn Du (Tiên Phước)	30	
		TH&THCS Trần Quốc Toàn (Tiên Phước)	30	
		THCS Lê Cơ (Tiên Phước)	19	
		THCS Lê Hồng Phong (Tiên Phước)	36	
		THCS Lý Tự Trọng (Tiên Phước)	71	
		THCS Nguyễn Trãi (Tiên Phước)	85	
		THCS Nguyễn Văn Trỗi (Tiên Phước)	99	
		THCS Nguyễn Viết Xuân (Tiên Phước)	42	
		THCS Quang Trung (Tiên Phước)	62	
<b>XVIII. Huyện Thăng Bình</b>				
44	THPT Hùng Vương	THCS Chu Văn An (Thăng Bình)	7	
		THCS Nguyễn Bình Khiêm (Thăng Bình)	81	
		THCS Nguyễn Công Trứ (Thăng Bình)	3	
		THCS Nguyễn Tri Phương (Thăng Bình)	73	
		THCS Phan Bội Châu (Thăng Bình)	179	
		THCS Phan Châu Trinh (Thăng Bình)	176	
		THCS Lương Thế Vinh (Phú Ninh)	5	Vùng phụ cận
		THCS Nguyễn Bình Khiêm (Phú Ninh)	2	Vùng phụ cận
45	THPT Lý Tự Trọng	THCS Hoàng Hoa Thám (Thăng Bình)	55	
		THCS Lê Lợi (Thăng Bình)	60	

<b>TT</b>	<b>Tên trường THPT</b>	<b>Phân vùng tuyển sinh theo trường THCS</b>	<b>Số học sinh ĐKXT(*)</b>	<b>Ghi chú</b>
		THCS Nguyễn Bá Ngọc (Thăng Bình)	98	
		THCS Nguyễn Công Trứ (Thăng Bình)	10	
		THCS Nguyễn Duy Hiệu (Thăng Bình)	65	
		THCS Trần Quý Cáp (Thăng Bình)	5	
46	THPT Nguyễn Thái Bình	THCS Chu Văn An (Thăng Bình)	72	
		THCS Hoàng Diệu (Thăng Bình)	71	
		THCS Huỳnh Thúc Kháng (Thăng Bình)	6	
		THCS Lê Đình Chinh (Thăng Bình)	92	
		THCS Lê Quý Đôn (Thăng Bình)	1	
		THCS Ngô Quyền (Thăng Bình)	108	
		THCS Nguyễn Đình Chiểu (Thăng Bình)	2	
		THCS Nguyễn Hiền (Thăng Bình)	156	
		THCS Phan Đình Phùng (Thăng Bình)	109	
		THCS Quang Trung (Thăng Bình)	28	
47	THPT Tiểu La	THCS Huỳnh Thúc Kháng (Thăng Bình)	106	
		THCS Lê Quý Đôn (Thăng Bình)	204	
		THCS Nguyễn Đình Chiểu (Thăng Bình)	45	
		THCS Quang Trung (Thăng Bình)	62	
		THCS Trần Quý Cáp (Thăng Bình)	60	
48	THPT Thái Phiên	THCS Huỳnh Thúc Kháng (Thăng Bình)	4	
		THCS Lê Quý Đôn (Thăng Bình)	91	

TT	Tên trường THPT	Phân vùng tuyển sinh theo trường THCS	Số học sinh ĐKXT(*)	Ghi chú
		THCS Lý Thường Kiệt (Thăng Bình)	123	
		THCS Nguyễn Công Trứ (Thăng Bình)	23	
		THCS Nguyễn Đình Chiểu (Thăng Bình)	25	
		THCS Phan Bội Châu (Thăng Bình)	7	
		THCS Trần Quý Cáp (Thăng Bình)	75	
		THCS Quế Mỹ 1 (Quế Sơn)	7	Vùng phụ cận

*Ghi chú: (\*) là số học sinh đăng ký xét tuyển vào lớp 10 các trường THPT công lập năm học 2022-2023, chưa xét tốt nghiệp THCS.*

b) Đối với học sinh tốt nghiệp THCS của các trường ngoài công lập:

Phân vùng tuyển sinh theo hộ khẩu thường trú của học sinh ngoài công lập. Hộ khẩu thường trú thuộc địa bàn của trường THCS công lập nào thì phân tuyển sinh theo trường THCS đó vào trường THPT được quy định tại bảng phân vùng tuyển sinh ở trên. Số lượng học sinh tốt nghiệp THCS của trường ngoài công lập đăng ký xét tuyển vào lớp 10 của trường THPT công lập nằm trong chỉ tiêu chung về tuyển sinh lớp 10 năm học 2022-2023.

### **7. Thời gian, quy trình tuyển sinh**

a) Các trường THPT có Tờ trình đề xuất danh sách thành viên Hội đồng tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2022-2023 để Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh của nhà trường. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh theo quy định tại Điều 8, Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thời gian hoàn thành: **chậm nhất ngày 12/5/2022.**

b) Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành các quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh các trường THPT.

Thời gian hoàn thành: **chậm nhất ngày 18/5/2022.**

c) Các phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các trường THCS hướng dẫn học sinh thuộc đối tượng tuyển sinh làm hồ sơ đăng ký dự tuyển vào lớp 10 (*sau đây gọi là hồ sơ dự tuyển*); thông báo, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về phương thức, chỉ tiêu và quy định về phân tuyển sinh lớp 10 vào các trường THPT công lập nhằm đảm bảo sự công khai, minh bạch, thông tin đầy đủ và chính thức về công tác tuyển sinh lớp 10; các trường THCS tập hợp hồ sơ xét tuyển của học sinh, lập danh sách và dữ liệu xét tuyển, bàn giao cho các trường THPT theo phân tuyến.

Thời gian hoàn thành: **chậm nhất ngày 17/6/2022.**

*Lưu ý: Đối với học sinh có nộp hồ sơ dự thi vào các trường THPT chuyên thì học bạ nộp cho trường THPT chuyên là bản chính; học bạ nộp cho trường THPT là bản sao có xác nhận của Hiệu trưởng trường THCS học sinh đang học.*

d) Các trường THPT tiếp nhận hồ sơ, danh sách và dữ liệu thí sinh đăng ký xét tuyển từ các trường THCS; tổ chức quản lý, kiểm tra, rà soát dữ liệu xét tuyển theo đúng hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Thời gian hoàn thành: **chậm nhất ngày 01/7/2022.**

đ) Sau khi có danh sách thí sinh trúng tuyển vào lớp 10 các trường THPT chuyên, Trường Phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) tỉnh Quảng Nam; Hội đồng tuyển sinh các trường loại ra khỏi dữ liệu tuyển sinh những thí sinh đã trúng tuyển vào trường THPT chuyên và Trường PTDTNT tỉnh. Hội đồng tuyển sinh các trường THPT gửi Tờ trình về đề xuất điểm trúng tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển và dữ liệu đăng ký xét tuyển, trúng tuyển về Sở Giáo dục và Đào tạo.

Thời gian hoàn thành: **chậm nhất ngày 12/7/2022.**

e) Trên cơ sở chỉ tiêu đã được phê duyệt và đề nghị của Hội đồng tuyển sinh các trường THPT, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định điểm trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển vào lớp 10 cho từng trường THPT.

Thời gian hoàn thành: **chậm nhất ngày 19/7/2022.**

g) Thông báo và làm thủ tục nhập học cho thí sinh trúng tuyển:

- Căn cứ quyết định phê duyệt kết quả tuyển sinh của Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường THPT thông tin rộng rãi đến toàn thể học sinh, cha mẹ/người giám hộ học sinh về kết quả tuyển sinh. Đồng thời, các trường ban hành thông báo đăng ký nhập học gửi các Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trường THCS và học sinh, cha mẹ/người giám hộ học sinh trúng tuyển; trong thông báo ghi rõ thời gian đăng ký nhập học, hồ sơ nhập học, quy trình làm thủ tục nhập học, thông tin liên hệ với nhà trường.

- Sau thời gian đăng ký nhập học 10 (mười) ngày (không kể ngày thứ Bảy, Chủ nhật và ngày lễ), nếu thí sinh trúng tuyển không đăng ký nhập học (không có lý do chính đáng) thì coi như thí sinh không có nhu cầu học lớp 10 THPT công lập. Các trường loại những thí sinh này và tổ chức xét tuyển bổ sung theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Thời gian hoàn thành đăng ký nhập học: **chậm nhất ngày 31/7/2022.**

h) Xét tuyển bổ sung:

- Sau khi tổ chức đăng ký nhập học cho thí sinh trúng tuyển, các trường THPT được phép tổ chức đợt xét tuyển bổ sung bù cho số lượng thí sinh đã trúng tuyển nhưng không đến đăng ký nhập học; đảm bảo công khai, minh bạch, đúng theo các quy định về tuyển sinh lớp 10 vào các trường THPT công lập năm học 2022-2023.

Thời gian hoàn thành: trong vòng 07 ngày, kể từ ngày các trường THPT tổ chức khai giảng năm học 2022-2023.

- Hội đồng tuyển sinh các trường THPT có Tờ trình về đề xuất danh sách học sinh trúng tuyển đợt xét tuyển bổ sung và gửi dữ liệu về Sở Giáo dục và Đào tạo.

Thời gian hoàn thành: trong vòng 10 ngày, kể từ ngày các trường THPT tổ chức khai giảng năm học 2022-2023.

- Trên cơ sở đề nghị của Hội đồng tuyển sinh các trường THPT, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định học sinh trúng tuyển đợt xét tuyển bổ sung cho các trường THPT.

Thời gian hoàn thành: trong vòng 14 ngày, kể từ ngày các trường THPT tổ chức khai giảng năm học 2022-2023.

## **II. Tuyển sinh lớp 10 trường THPT ngoài công lập, Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Quảng Nam**

### **1. Phương thức tuyển sinh**

Xét tuyển. Thực hiện theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **2. Hồ sơ đăng ký xét tuyển**

Thí sinh trực tiếp mang hồ sơ đến nộp theo hướng dẫn của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Quảng Nam và các trường THPT ngoài công lập.

### **3. Thời gian tuyển sinh**

Tổ chức tuyển sinh cùng lúc với tuyển sinh vào lớp 10 trường THPT công lập. Đợt xét tuyển bổ sung (nếu có) hoàn thành trước ngày 30/9/2022.

### **4. Phạm vi xét tuyển**

Các trường THPT ngoài công lập, Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh không hạn chế phạm vi xét tuyển vào lớp 10.

## **B. TUYỂN SINH VÀO CÁC TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT**

### **I. Tuyển sinh lớp 9 Trường PTDTNT Nước Oa (huyện Bắc Trà My), Trường PTDTNT huyện Phước Sơn và Trường PTDTNT huyện Nam Trà My**

#### **1. Phương thức tuyển sinh**

Thực hiện theo phương thức xét tuyển dựa vào kết quả xếp loại hạnh kiểm và học lực của 3 năm học ở cấp THCS (lớp 6, lớp 7 và lớp 8) và điểm cộng thêm cho đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên (nếu có).

#### **2. Chỉ tiêu tuyển sinh**

##### *a) Chỉ tiêu*

STT	Tên trường	Chỉ tiêu	
		Số lớp	Số học sinh
1	Trường PTDTNT huyện Phước Sơn	3	105
2	Trường PTDTNT huyện Nam Trà My	3	105
3	Trường PTDTNT Nước Oa	2	70
<b>Tổng cộng</b>		<b>08</b>	<b>280</b>

### *b) Phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh từng xã*

Căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh ở trên, các trường PTDTNT tham mưu cho UBND huyện phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh cho từng xã. Khi phân bổ, cần ưu tiên cho các xã đặc biệt khó khăn, đang thiếu nguồn đào tạo cán bộ.

### **3. Đối tượng tuyển sinh**

Học sinh trong độ tuổi quy định thuộc đối tượng sau đây:

- Thanh niên, thiếu niên là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú và định cư từ 03 năm trở lên (tính đến ngày bắt đầu tuyển sinh) ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành và được xét tuyển theo thứ tự ưu tiên nhau sau: (i) Học sinh ở thôn đặc biệt khó khăn; (ii) Học sinh ở các thôn còn lại của xã khu vực III; (iii) Học sinh ở các thôn còn lại của xã khu vực II; (iv) Học sinh ở các thôn còn lại xã khu vực I.

- Tuyển không quá 5% trong tổng số chỉ tiêu được tuyển là con em người dân tộc Kinh có hộ khẩu thường trú và định cư từ 03 năm trở lên (tính đến ngày bắt đầu tuyển sinh) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành và được xét tuyển theo thứ tự ưu tiên như sau: (i) Học sinh ở thôn đặc biệt khó khăn; (ii) Học sinh ở các thôn còn lại của xã khu vực III; (iii) Học sinh ở các thôn còn lại của xã khu vực II; (iv) Học sinh ở các thôn còn lại xã khu vực I.

### **4. Chế độ tuyển thẳng**

Tuyển thẳng vào trường PTDTNT các đối tượng sau:

- Học sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người (theo quy định của Chính phủ);

- Học sinh là người dân tộc thiểu số thuộc đối tượng tuyển sinh đạt giải cấp quốc gia trở lên về văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao; cuộc thi khoa học kĩ, thuật dành cho học sinh trung học.

### **5. Điểm xét tuyển**

Điểm xét tuyển là tổng số điểm tính theo kết quả xếp loại hạnh kiểm và học lực của 3 năm học ở cấp THCS (lớp 6, lớp 7 và lớp 8) và điểm công thêm cho đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên (nếu có).

### **6. Điểm ưu tiên**

a) Cộng 1,5 điểm cho một trong các đối tượng:

- Con liệt sĩ;

- Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên;

- Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên;

- Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”.

b) Cộng 1,0 điểm cho một trong các đối tượng:

- Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động;
- Con thương binh mất sức lao động dưới 81%;
- Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%;
- Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.

c) Cộng 0,5 điểm cho một trong các đối tượng:

- Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số;
- Người dân tộc thiểu số;
- Người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn.

*Lưu ý: Điểm cộng thêm cho đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên, khuyến khích tối đa không quá 2,0 điểm.*

### **7. Nguyên tắc xét tuyển trúng tuyển**

Căn cứ chỉ tiêu được giao và điểm xét tuyển, các trường PTDTNT huyện tiến hành xét trúng tuyển theo nguyên tắc lấy điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu được giao. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì tiếp tục xét trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Thí sinh là con liệt sĩ, thương binh (xếp từ mức thương tật cao xuống thấp);
- Thí sinh ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn hơn;
- Thí sinh có xếp loại hạnh kiểm cả năm lớp 8 xếp loại cao hơn;
- Thí sinh có xếp loại học lực cả năm lớp 8 xếp loại cao hơn;
- Thí sinh có điểm trung bình cả năm (các môn tính bằng điểm) của lớp 8 cao hơn;
- Thí sinh có tổng điểm trung bình môn Ngữ văn và Toán của cả năm lớp 8 cao hơn.

Trong trường hợp xét đến tiêu chí ưu tiên cuối cùng mà vẫn còn nhiều hơn một thí sinh bằng nhau ở tất cả tiêu chí ưu tiên thì các thí sinh này nằm trong danh sách trúng tuyển.

### **8. Thời gian tuyển sinh**

Từ ngày **06/6/2022** đến ngày **22/7/2022**.

### **9. Quy trình tuyển sinh**

- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện Bắc Trà My, Nam Trà My, Phước Sơn chủ trì, phối hợp trường PTDTNT huyện tham mưu UBND huyện ban hành quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh.

- Các trường PTDTNT Nước Oa (Bắc Trà My), Nam Trà My, Phước Sơn phối hợp với phòng Giáo dục và Đào tạo của địa phương thông báo cho các trường THCS trên địa bàn về đối tượng tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh và cách thức đăng ký dự tuyển.



- Các trường THCS thu nhận hồ sơ tuyển sinh của học sinh, kiểm tra điều kiện, lập danh sách và nộp hồ sơ đăng ký về Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện tổng hợp danh sách, hồ sơ tuyển sinh, kiểm tra điều kiện, lập danh sách học sinh đủ điều kiện và nộp hồ sơ tuyển sinh về các trường PTDTNT huyện.

- Hội đồng tuyển sinh của các trường PTDTNT tiến hành xét tuyển theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo; lập danh sách học sinh được chọn trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định phê duyệt kết quả trúng tuyển.

- Các trường PTDTNT thông báo thí sinh trúng tuyển; hướng dẫn, gọi thí sinh trúng tuyển đăng ký học.

- Sau thời gian đăng ký nhập học 10 (mười) ngày (không kể ngày thứ Bảy, Chủ nhật và ngày lễ), nếu thí sinh trúng tuyển không đăng ký nhập học (không có lý do chính đáng) thì các trường loại những thí sinh này và tổ chức xét tuyển bổ sung theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

## **II. Tuyển sinh lớp 10 Trường PTDTNT tỉnh Quảng Nam**

### **1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển**

#### *a) Đối tượng dự tuyển*

Thực hiện theo Điều 18 của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT ban hành theo Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

- Thanh niên, thiếu niên là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú và định cư từ 03 năm trở lên (tính đến ngày bắt đầu nhận hồ sơ theo văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo) tại các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Thanh niên, thiếu niên là người dân tộc thiểu số không thuộc đối tượng ở trên, nếu được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định là vùng tạo nguồn cán bộ cho các dân tộc.

- Tuyển không quá 5% trong tổng số chỉ tiêu được tuyển là con em người dân tộc Kinh có hộ khẩu thường trú và định cư từ 03 năm trở lên (tính đến ngày bắt đầu nhận hồ sơ theo văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo) tại các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

#### *b) Điều kiện dự tuyển*

- Thuộc đối tượng dự tuyển ở trên.

- Trong độ tuổi theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 về việc Ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Năm học lớp 9 có hạnh kiểm được xếp loại từ Khá trở lên; học lực được xếp loại từ Trung bình trở lên.

## **2. Phạm vi tuyển sinh**

- 06 huyện miền núi cao: Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Bắc Trà My, Nam Trà My và Phước Sơn.

- Các huyện miền núi còn lại và các huyện đồng bằng có người dân tộc thiểu số sinh sống và có nhu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số.

## **3. Phương thức tuyển sinh**

Thi tuyển. Thực hiện theo Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **4. Chỉ tiêu tuyển sinh**

Chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2022-2023 là 160 học sinh, trong đó:

- Học sinh người dân tộc thiểu số: 152 chỉ tiêu
- Học sinh người dân tộc Kinh: 08 chỉ tiêu (5% tổng chỉ tiêu).

## **5. Chế độ tuyển thẳng**

Tuyển thẳng vào trường PTDTNT các đối tượng sau:

- Học sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người (theo quy định của Chính phủ);
- Học sinh người dân tộc thiểu số thuộc đối tượng tuyển sinh đạt giải cấp quốc gia trở lên về văn hóa; văn nghệ; thể dục, thể thao; cuộc thi khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh trung học.

## **6. Quy định về thi tuyển**

### *a) Môn thi*

- Gồm 03 môn: Ngữ văn, Toán và Tiếng Anh.
- Thí sinh vắng thi một môn thì không được dự thi các môn tiếp theo.

### *b) Nội dung, hình thức thi*

- Nội dung đề thi: Thực hiện theo Công văn số 1827/SGDĐT-GDTrH ngày 13/9/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam về việc nội dung chương trình bồi dưỡng, cấu trúc đề thi học sinh giỏi, Olympic và tuyển sinh lớp 10 áp dụng từ năm học 2021-2022.

- Hình thức thi: Tự luận.

### *c) Thời gian làm bài thi, thang điểm*

- Thời gian làm bài thi: Ngữ văn và Toán: 120 phút; Tiếng Anh: 60 phút.
- Bài thi được tính theo thang điểm 10.

### *d) Chế độ ưu tiên, khuyến khích*

- Điểm ưu tiên:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 7, Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT được ban hành theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

- + Thí sinh được cộng thêm 1,0 điểm nếu thuộc một trong nhóm đối tượng 1;
- + Thí sinh được cộng thêm 0,5 điểm nếu thuộc một trong nhóm đối tượng 2.
- Điểm khuyến khích:

Thí sinh trong thời gian học THCS đạt giải cá nhân từ giải Ba hoặc huy chương Đồng trở lên trong các kỳ thi từ cấp tỉnh trở lên về văn hóa; văn nghệ; thể dục, thể thao; cuộc thi khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh trung học do ngành Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc phối hợp tổ chức thì được cộng điểm khuyến khích. Quy định mức điểm khuyến khích như sau:

- + Giải Nhất hoặc Huy chương Vàng : 1,00 điểm
- + Giải Nhì hoặc Huy chương Bạc : 0,75 điểm
- + Giải Ba hoặc Huy chương Đồng : 0,50 điểm

Lưu ý:

+ Thí sinh đạt nhiều giải khác nhau trong các cuộc thi chỉ được hưởng một mức cộng điểm của loại giải cao nhất.

+ Thí sinh có thể đồng thời được hưởng điểm ưu tiên và điểm khuyến khích nhưng tối đa không quá 2,00 điểm.

*đ) Điểm xét tuyển*

$$\text{Điểm xét tuyển} = \begin{array}{l} \text{Tổng điểm thi của 03 bài} \\ \text{thi các môn Ngữ văn,} \\ \text{Toán, Tiếng Anh} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng điểm ưu tiên,} \\ \text{khuyến khích} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Lưu ý: Tổng điểm các bài thi và điểm xét tuyển không làm tròn.

*e) Nguyên tắc xét trúng tuyển*

- Chỉ xét trúng tuyển đối với thí sinh thi đủ 03 bài thi theo quy định, không vi phạm quy chế trong kỳ thi và mỗi bài thi đều đạt từ 1,0 điểm trở lên.

- Căn cứ điểm xét tuyển từ cao xuống thấp để xét trúng tuyển đủ chỉ tiêu được giao năm học 2022-2023, không phân biệt địa phương, trong đó có 5% chỉ tiêu được giao năm học 2022-2023 dành cho con em người dân tộc Kinh (theo quy định).

- Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì tiếp tục xét trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên như sau:

- + Thí sinh là con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh (xếp từ mức thương tật cao xuống thấp);
- + Thí sinh có xếp loại học lực cả năm lớp 9 cao hơn;
- + Thí sinh có điểm trung bình cả năm lớp 9 cao hơn;

+ Thí sinh có tổng điểm trung bình môn Toán và môn Ngữ văn của cả năm lớp 9 cao hơn;

- Trong trường hợp xét đến tiêu chí ưu tiên cuối cùng mà vẫn còn nhiều hơn một thí sinh bằng nhau ở tất cả tiêu chí ưu tiên thì các thí sinh này nằm trong danh sách trúng tuyển. Trường hợp này, chỉ tiêu tuyển sinh được phép cao hơn chỉ tiêu nêu tại khoản 4, mục II, phần B ở trên.

## 7. Địa điểm thi và lịch thi

a) Ngày thi

**Ngày 06 và 07 tháng 6 năm 2022.**

b) Địa điểm thi, lịch thi chi tiết

Địa điểm thi, lịch thi chi tiết do Sở Giáo dục và Đào tạo quy định cụ thể trong văn bản hướng dẫn công tác tuyển sinh lớp 10 vào Trường PTDTNT tỉnh năm học 2022-2023.

## 8. Quy trình tuyển sinh

- Các phòng Giáo dục và Đào tạo khảo sát, thống kê sơ bộ về số lượng thí sinh đăng ký dự thi vào Trường PTDTNT tỉnh, gửi số liệu về Sở Giáo dục và Đào tạo.

Thời hạn hoàn thành: **chậm nhất ngày 14/5/2022.**

- Các trường THCS, PTDTNT trong phạm vi tuyển sinh thông báo, hướng dẫn thí sinh làm thủ tục; thu nhận hồ sơ tuyển sinh của thí sinh và nộp về Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Thời hạn hoàn thành: **chậm nhất ngày 20/5/2022.**

- Các phòng Giáo dục và Đào tạo tập hợp hồ sơ tuyển sinh, kiểm tra hồ sơ để bảo đảm đúng đối tượng, điều kiện dự thi; nhập, kiểm tra dữ liệu đăng ký dự thi của thí sinh; nộp hồ sơ tuyển sinh cho Trường PTDTNT tỉnh; đồng thời báo cáo số lượng thí sinh đăng ký dự thi chính thức cho Sở Giáo dục và Đào tạo.

Thời hạn hoàn thành: **chậm nhất ngày 27/5/2022.**

- Trường PTDTNT tỉnh tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ; tập hợp, kiểm tra dữ liệu thi của các phòng Giáo dục và Đào tạo; báo cáo và gửi dữ liệu thi về Sở Giáo dục và Đào tạo.

Thời hạn hoàn thành: **chậm nhất ngày 01/6/2022.**

- Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức coi thi, chấm thi, công bố kết quả thi, phúc khảo bài thi; xét duyệt và ban hành quyết định phê duyệt kết quả tuyển sinh.

Thời hạn hoàn thành: **chậm nhất ngày 08/7/2022.**

- Trường PTDTNT tỉnh thông báo, hướng dẫn, tổ chức cho thí sinh đăng ký nhập học, xét trúng tuyển bổ sung (nếu có, trong trường hợp thí sinh trúng tuyển nhưng không đến đăng ký nhập học).

Thời hạn hoàn thành: **chậm nhất ngày 30/7/2022.**

- Thí sinh đã trúng tuyển vào Trường PTDTNT tỉnh, thì không được xin chuyển về học tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh. Trường hợp học sinh xin chuyển trường với lý do đặc biệt, phải được sự cho phép của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo. Học sinh đăng ký dự thi vào Trường PTDTNT tỉnh có thể đồng thời đăng ký dự thi vào trường THPT chuyên nếu có nguyện vọng, nếu trúng tuyển cả hai trường thì vào học trường THPT chuyên.

### III. Tuyển sinh lớp 10 trường THPT chuyên

#### 1. Điều kiện dự tuyển

Thực hiện theo Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BGDĐT ngày 30/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT chuyên (sau đây gọi là VBHN số 20). Học sinh được tham gia dự tuyển khi có đủ các điều kiện sau:

a) Đang theo học lớp 9 tại các trường cấp THCS trong tỉnh Quảng Nam (học sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Nam mới được hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định của UBND tỉnh);

b) Xếp loại hạnh kiểm, học lực cả năm học của các lớp ở cấp THCS từ loại khá trở lên;

c) Xếp loại tốt nghiệp THCS từ loại khá trở lên.

#### 2. Phương thức tuyển sinh

Tổ chức tuyển sinh qua 02 (hai) vòng:

- Vòng 1: Tổ chức sơ tuyển đối với những học sinh có hồ sơ dự tuyển hợp lệ và đủ điều kiện dự tuyển theo quy định.

- Vòng 2: Tổ chức thi tuyển đối với những học sinh đã qua sơ tuyển ở vòng 1.

#### 3. Chỉ tiêu tuyển sinh

Môn chuyên	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm		Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông	
	Số lớp	Chỉ tiêu	Số lớp	Chỉ tiêu
Chuyên Toán	01	35	01	35
Chuyên Vật lí	01	35	01	35
Chuyên Hoá học	01	35	01	35
Chuyên Ngữ văn	01	35	01	35
Chuyên Tiếng Anh	01	35	01	35
Chuyên Sinh học	01	35	01	35
Chuyên Tin học	01	35	01	35
Chuyên Lịch sử+Địa lí	01	18+17	01	18+17
<b>Tổng cộng</b>	<b>08</b>	<b>280</b>	<b>08</b>	<b>280</b>

#### 4. Quy định về sơ tuyển vòng 1

Việc sơ tuyển để chọn thí sinh tham gia thi tuyển ở vòng 2 căn cứ vào cách thức tính điểm của các tiêu chí sau:

a) Xếp loại học lực mỗi năm học ở cấp THCS:

Loại Giỏi: 2,0 điểm; Loại Khá: 1,5 điểm.

b) Xếp loại hạnh kiểm mỗi năm học ở cấp THCS:

Loại Tốt: 2,0 điểm; Loại Khá: 1,5 điểm.

c) Xếp loại tốt nghiệp THCS:

Loại Giỏi: 3,0 điểm; Loại Khá: 2,0 điểm.

d) Thí sinh đạt giải trong Kỳ thi học sinh giỏi lớp 9 (THCS) cấp tỉnh hoặc các kỳ thi về văn hóa, khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh trung học do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc phối hợp tổ chức được quy định mức điểm cộng cụ thể như sau:

- Giải Nhất/Huy chương Vàng cấp tỉnh hoặc giải quốc gia, khu vực: 2,0 điểm;
- Giải Nhì/Huy chương Bạc cấp tỉnh : 1,5 điểm;
- Giải Ba/Huy chương Đồng cấp tỉnh : 1,0 điểm;
- Giải Khuyến khích cấp tỉnh : 0,5 điểm.

Thí sinh đạt nhiều giải khác nhau được tính tổng điểm tương ứng cho từng giải đạt được.

$$\text{Điểm vòng 1} = \text{Tổng điểm mục a} + \text{Tổng điểm mục b} + \text{Điểm mục c} + \text{Tổng điểm mục d}$$

#### 5. Quy định về thi tuyển vòng 2

a) Điều kiện dự thi vòng 2

Thí sinh được chọn vào thi tuyển ở vòng 2 phải đạt điểm vòng 1 từ 17 (mười bảy) điểm trở lên.

b) Môn thi

- Các môn chung (dành cho tất cả thí sinh): Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.
- Các môn chuyên: Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Toán (dành cho chuyên Tin học), Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh.
- Thí sinh được đăng ký dự thi tối đa 02 môn chuyên nhưng không cùng một buổi thi theo lịch thi.
- Thí sinh vắng thi một trong ba môn chung thì không được dự thi các môn tiếp theo, kể cả môn chuyên.

c) Nội dung, hình thức thi

- Nội dung đề thi: Thực hiện theo Công văn số 1827/SGDDĐT-GDTrH ngày 13/9/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam về việc nội dung chương

trình bồi dưỡng, cấu trúc đề thi học sinh giỏi, Olympic và tuyển sinh lớp 10 áp dụng từ năm học 2021-2022.

- Hình thức thi:

+ Môn Tiếng Anh chung: Thi viết theo hình thức tự luận kết hợp với trắc nghiệm.

+ Các môn còn lại: Thi viết với hình thức tự luận.

*d) Thời gian làm bài thi, thang điểm và hệ số điểm bài thi*

- Thời gian làm bài:

+ Các môn chung: môn Toán và môn Ngữ văn là 120 phút; môn Tiếng Anh là 60 phút;

+ Các bài thi môn chuyên: 150 phút.

- Thang điểm bài thi: tính theo thang điểm 10; không làm tròn các điểm lẻ.

- Hệ số điểm bài thi: điểm các bài thi môn chung hệ số 1, điểm các bài thi môn chuyên hệ số 3.

*đ) Điểm khuyến khích*

- Thí sinh đạt giải trong Kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh THCS từ giải Khuyến khích trở lên đúng với môn chuyên đăng ký dự thi được cộng điểm khuyến khích để xét tuyển ở vòng 2.

- Quy định mức điểm khuyến khích như sau: giải Nhất: 2,0 điểm; giải Nhì: 1,5 điểm; giải Ba: 1,0 điểm; giải Khuyến khích: 0,5 điểm.

*e) Điểm xét tuyển*

$$\text{Điểm xét tuyển} = \frac{\text{Tổng điểm thi của 03 bài thi các môn chung: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh}}{\text{Hệ số}} + \text{Điểm bài thi môn chuyên} + \frac{\text{Tổng điểm khuyến khích (nếu có)}}{\text{Hệ số}}$$

*Lưu ý: Điểm các bài thi và điểm xét tuyển không làm tròn.*

*g) Nguyên tắc xét trúng tuyển*

- Chỉ xét trúng tuyển đối với thí sinh thi đủ 03 bài thi môn chung và bài thi môn chuyên theo quy định, không vi phạm quy chế trong kỳ thi và mỗi bài thi môn chung đều đạt từ 2,0 điểm trở lên, bài thi môn chuyên phải đạt từ 4,0 điểm trở lên.

- Căn cứ điểm xét tuyển vào từng lớp chuyên và chỉ tiêu được giao, Sở Giáo dục và Đào tạo tiến hành xét trúng tuyển theo nguyên tắc lấy điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu được giao. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì tiếp tục xét trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên như sau:

+ Thí sinh có điểm thi môn chuyên đăng ký dự thi cao hơn;

+ Thí sinh có điểm sơ tuyển vòng 1 cao hơn;

- + Thí sinh có điểm trung bình môn của môn đăng ký dự thi cả năm lớp 9 cao hơn;
- + Thí sinh có điểm trung bình cả năm lớp 9 cao hơn;
- + Thí sinh đạt giải và có điểm thi trong Kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh THCS năm học 2021-2022 đúng với môn chuyên đăng ký dự thi cao hơn;
- + Thí sinh có điểm trung bình cả năm cao hơn lần lượt ở lớp 8, lớp 7, lớp 6.
- Đối với thí sinh đăng ký thi hai môn chuyên, nếu trúng tuyển môn chuyên thứ nhất theo thứ tự đã đăng ký thì không xét trúng tuyển môn chuyên thứ hai.

## **6. Thời gian sơ tuyển vòng 1 và địa điểm, lịch thi tuyển vòng 2**

### *a) Thời gian sơ tuyển vòng 1*

- Thu nhận hồ sơ: **chậm nhất ngày 27/5/2022.**
- Hoàn thành xét tuyển vòng 1: **chậm nhất ngày 04/6/2022.**

### *b) Địa điểm thi, lịch thi tuyển vòng 2*

- Ngày thi: **ngày 14, 15 và 16 tháng 6 năm 2022.**
- Địa điểm thi, lịch thi chi tiết do Sở Giáo dục và Đào tạo quy định cụ thể trong văn bản hướng dẫn công tác tuyển sinh lớp 10 vào trường THPT chuyên năm học 2022-2023.

## **7. Quy trình tuyển sinh**

- Thí sinh nộp hồ sơ tuyển sinh cho các trường THPT chuyên. Các trường THPT chuyên hướng dẫn thủ tục, thu nhận hồ sơ tuyển sinh, nhập và kiểm tra dữ liệu tuyển sinh.

Thời hạn hoàn thành: **chậm nhất ngày 27/5/2022.**

*Lưu ý: Học sinh nộp học bạ cấp THCS bản chính trong hồ sơ tuyển sinh.*

- Kiểm tra hồ sơ, dữ liệu tuyển sinh, cập nhật dữ liệu, tổ chức sơ tuyển vòng 1 và báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo kết quả sơ tuyển.

Thời hạn hoàn thành: **chậm nhất ngày 04/6/2022.**

- Trên cơ sở danh sách học sinh được sơ tuyển qua vòng 1, Sở Giáo dục và Đào tạo tiến hành tổ chức thi tuyển ở vòng 2 và công bố danh sách học sinh trúng tuyển.

Thời hạn hoàn thành: **chậm nhất ngày 08/7/2022.**

- Các trường THPT chuyên thông báo, hướng dẫn thí sinh trúng tuyển đăng ký nhập học, xét trúng tuyển bổ sung (*nếu có, trong trường hợp thí sinh trúng tuyển nhưng không đến đăng ký nhập học*).

Thời hạn hoàn thành: **chậm nhất ngày 30/7/2022.**

- Thí sinh đồng thời trúng tuyển vào Trường PTDTNT tỉnh và trường THPT chuyên thì vào học trường THPT chuyên. Thí sinh đã trúng tuyển vào trường THPT chuyên thì không được chuyển về học tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh. Trường hợp xin chuyển trường với lý do đặc biệt, phải được sự cho phép của Giám đốc Sở



Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 2.** Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tuyển sinh vào các trường chuyên biệt, các trường THPT trên địa bàn tỉnh năm học 2022-2023 theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Hiệu trưởng các trường chuyên biệt, trường THPT, trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh; Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành: KHĐT, TC, Ban Dân tộc tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KGVX (Hạnh).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**





**Trần Văn Tân**